

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng công trình	1,00	<i>Tối thiểu 03 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp (tính đủ ngày, tháng, năm) hoặc 02 hợp đồng</i>	<ul style="list-style-type: none">- Tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp hoặc tương đương, tài liệu chứng minh: Bằng đại học;- Đã là chỉ huy trưởng ít nhất 02 công trình sửa chữa dân dụng hoặc công nghiệp hoặc kết cấu thép từ cấp III trở lên, tài liệu chứng minh: hợp đồng thi công có kèm theo khối lượng công việc, biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, tài liệu chứng minh quy mô, cấp công trình;- Có chứng nhận hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chỉ huy trưởng công trình.- Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình xây dựng dân dụng cấp III trở lên còn hiệu lực;- Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động – vệ sinh lao động còn hiệu lực;- Hợp đồng lao động ký kết với nhà thầu còn hiệu lực;- Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động.- Toàn bộ tài liệu đính kèm phải là bản chính, không chấp nhận bản photocopy.- Nhân sự chào trong E-HSDT: không được thay đổi trong quyết định phân công (nếu trúng thầu).
2	Kỹ thuật thi công trực tiếp	1,00	<i>Tối thiểu 03 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp (tính đủ ngày, tháng, năm) hoặc 01 hợp đồng</i>	<ul style="list-style-type: none">- Tốt nghiệp từ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp hoặc tương đương, tài liệu chứng minh: Bằng đại học;- Đã là cán bộ kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình cùng cấp trở lên, tài liệu chứng minh: hợp đồng thi công có kèm theo khối lượng công việc, biên

				<p>bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, hóa đơn GTGT, tài liệu chứng minh quy mô, cấp công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình xây dựng dân dụng cấp III trở lên còn hiệu lực; - Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động – vệ sinh lao động còn hiệu lực; - Hợp đồng lao động ký kết với nhà thầu còn hiệu lực; - Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải bố trí kỹ thuật thi công trực tiếp phù hợp với nội dung công việc mà Nhà thầu đảm nhận trong thỏa thuận liên danh; - Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động. - Toàn bộ tài liệu đính kèm phải là bản chính, không chấp nhận bản photocopy. - Nhân sự chào trong E-HSDT: không được thay đổi trong quyết định cử (nếu trúng thầu) – Trừ trường hợp bất khả kháng và nhà thầu có văn bản giải trình hợp lý được bên mời thầu chấp thuận
3	Kỹ thuật thi công phần phòng cháy chữa cháy	1,00	<i>Tối thiểu 03 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp (tính đủ ngày, tháng, năm) hoặc 01 hợp đồng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp từ đại học thuộc chuyên ngành điện, cơ điện, phòng cháy chữa cháy hoặc tương đương; - Đã là cán bộ kỹ thuật thi công phần điện ít nhất 01 công trình cùng cấp 3 trở lên, tài liệu chứng minh: hợp đồng thi công có kèm theo khối lượng công việc, biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, hóa đơn GTGT, tài liệu chứng minh quy mô, cấp công trình; - Có chứng chỉ hành nghề về giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình còn hiệu lực; - Có chứng chỉ hành nghề PCCC theo quy định hiện hành còn hiệu lực; - Có chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng kiến thức về PCCC về chỉ huy thi công PCCC còn hiệu lực; - Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động – vệ sinh lao động còn hiệu lực;

				<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng lao động ký kết với nhà thầu còn hiệu lực; - Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải bố trí kỹ thuật thi công trực tiếp phù hợp với nội dung công việc mà Nhà thầu đảm nhận trong thỏa thuận liên danh; - Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động. - Toàn bộ tài liệu đính kèm phải là bản chính, không chấp nhận bản photocopy. - Nhân sự chào trong E-HSDT: không được thay đổi trong quyết định cử (nếu trúng thầu)
4	Kỹ thuật an toàn lao động	1,00	<i>Tối thiểu 03 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp (tính đủ ngày, tháng, năm) hoặc 01 hợp đồng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp từ đại học thuộc chuyên ngành bảo hộ lao động hoặc tương đương; - Đã là cán bộ kỹ thuật an toàn lao động ít nhất 01 công trình cùng cấp trở lên, tài liệu chứng minh: hợp đồng thi công có kèm theo khối lượng công việc, biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, hóa đơn GTGT, tài liệu chứng minh quy mô, cấp công trình; - Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động – vệ sinh lao động còn hiệu lực; - Hợp đồng lao động ký kết với nhà thầu còn hiệu lực; - Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải bố trí kỹ thuật thi công trực tiếp phù hợp với nội dung công việc mà Nhà thầu đảm nhận trong thỏa thuận liên danh; - Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động. - Toàn bộ tài liệu đính kèm phải là bản chính, không chấp nhận bản photocopy. - Nhân sự chào trong E-HSDT: không được thay đổi trong quyết định cử (nếu trúng thầu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về

cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

- Nhà thầu có thể chuẩn bị sẵn các hồ sơ gốc:

+ Đối với nhân sự: Hợp đồng thuê nhân sự, Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ, Bảo hiểm xã hội (nếu có),... để Tổ Chuyên gia, Bên mời thầu đối chiếu khi cần để kiểm tra khả năng huy động nhân sự của Nhà thầu;

+ Đối với thiết bị: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc hóa đơn, giấy kiểm định thiết bị.

- Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Trong mọi trường hợp, nếu Nhà thầu không làm rõ, bổ sung, thay thế nhân sự theo yêu cầu (lần 1) của Bên mời thầu thì Tổ Chuyên gia sẽ đánh giá E-HSĐT của Nhà thầu theo nội dung ban đầu mà Nhà thầu đã dự thầu, mọi khiếu nại về sau sẽ không được giải quyết.

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-

HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

1. HẠNG MỤC: XÂY DỰNG GIÁ ĐỒ:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn xoay chiều – công suất: 23 kW Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ chứng minh sở hữu hoặc của đơn vị cho thuê. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
2	Cần cẩu bánh hơi – sức nâng: $\geq 5T$ Tài liệu chứng minh: (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Giấy đăng ký xe. - Giấy kiểm định còn hiệu lực. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
3	Máy cắt bê tông – công suất: $\geq 4,5kW$ Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
4	Máy cắt uốn cốt thép – công suất: $\geq 1,5 kW$ Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
5	Máy đầm bê tông (đầm bàn) – công suất: $\geq 2,2 kW$ Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
6	Máy đầm bê tông (đầm dùi) – công suất: $\geq 1,5 kW$ Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
7	Máy đầm đất cầm tay – trọng lượng: $\geq 70 kg$ Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
8	Máy khoan kim loại cầm tay – công suất: $\geq 1,7 kW$ Tài liệu chứng minh: (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01

9	Máy mài – công suất: $\geq 0,65$ kW Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	02
10	Máy nén khí – Dung tích bình: ≥ 24 lít Tài liệu (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	02
11	Máy trộn bê tông – dung tích: ≥ 250 lít Tài liệu chứng minh: - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
12	Bộ máy thiết bị trắc đạc – Bộ thiết bị không chế mặt bằng (bộ gồm 3 máy, máy toàn đạc, máy thủy chuẩn, máy chiếu đứng) Tài liệu chứng minh: (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01 bộ
13	Ô tô tự đổ – trọng tải: ≥ 5 T Tài liệu chứng minh: - Giấy đăng ký xe. - Giấy kiểm định. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
14	Máy cắt góc – công suất ≥ 2400 W Tài liệu chứng minh: (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
15	Khung giàn giáo H; số lượng $\geq 0,5$ bộ (01 bộ 42 chân và chéo) Tài liệu chứng minh: (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Hợp đồng thuê (nếu có).	0,5

2. HẠNG MỤC: PCCC:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn xoay chiều – công suất: ≥ 23 kW Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ chứng minh sở hữu hoặc của đơn vị cho thuê. - Tài liệu kỹ thuật. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
2	Đồng hồ vạn năng (thiết bị đo điện) Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
3	Máy bơm nước (động cơ diesel) – công suất: ≥ 5 CV Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Tài liệu kỹ thuật. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
4	Máy khoan bê tông cầm tay – công suất: $\geq 0,62$ kW Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Tài liệu kỹ thuật. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01
5	Máy khoan bê tông cầm tay – công suất: $\geq 1,00$ kW Tài liệu chứng minh (Bản sao hoặc scan từ bản gốc): - Hóa đơn, chứng từ. - Tài liệu kỹ thuật. - Hợp đồng thuê (nếu có).	01

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không có

Chủ đầu tư, Bên mời thầu chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt hoặc không đạt. Nhà thầu nên trình bày thuyết minh về kỹ thuật theo thứ tự từ tiêu chí đánh giá 01 đến tiêu chí đánh giá 06 để dễ quản lý hồ sơ dự thầu. Bao gồm các tiêu chí đánh giá sau đây:

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1.1	Công tác chuẩn bị thi công: Chuẩn bị tại văn phòng và chuẩn bị tại hiện trường. (phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình, nhà thầu đi khảo sát)	Có công tác chuẩn bị hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và các quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không trình bày hoặc công tác chuẩn bị không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không phù hợp với các quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng	Không đạt
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường/Tổ chức thi công tổng thể: Nhà thầu phải có biện pháp thi công tổng thể, phương án thi công tổng thể các hạng mục công trình trong đó thể hiện: a. Mặt bằng phương án biện pháp tổ chức thi công, mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, đường tạm thi công	Có giải pháp kỹ thuật tổ chức mặt bằng công trường (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) trong đó thể hiện đầy đủ theo yêu cầu, hợp lý, phù hợp với với hồ sơ thiết kế, điều kiện thi công, tiến độ thi công, thực tế hiện trạng công trình xây dựng và phù hợp biện pháp thi công các hạng mục công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng. Có bản vẽ mặt bằng thi công bố trí đầy đủ và cụ thể các vị trí theo yêu cầu.	Đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
	b. Bố trí ra vào, rào chắn, biển báo, giao thông trong quá trình thi công c. Cấp điện, cấp thoát nước, giao thông nội bộ, liên lạc trong quá trình thi công (phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình, nhà thầu đi khảo sát)	Không đáp ứng đầy đủ một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
1.3	a. Biện pháp thi công cắt nền bê tông công trình cũ. b. Biện pháp thi công đào đất hố móng c. Biện pháp cophia, cốt thép, móng, cổ cột d. Biện pháp thi công trắc đạc, định vị buong cột e. Biện pháp thi công và lắp dựng cột, dầm sàn đỡ f. Biện pháp thi công sơn dầu g. Biện pháp thi công sàn bê tông móng (tái lập) h. Biện pháp thi công hệ thống điện i. Biện pháp thi công hệ thống PCCC	Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ) trong đó thể hiện đầy đủ các hạng mục theo yêu cầu, chi tiết, hợp lý, phù hợp với hồ sơ thiết kế, trình tự phương án thi công, phù hợp với biện pháp thi công tổng thể, phù hợp điều kiện thi công, hiện trạng công trình, phù hợp với tiến độ thi công, kế hoạch thi công và các quy trình quy phạm hiện hành.	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
1.4	Nhà thầu có văn bản cam kết chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư mời cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền tại địa phương sau khi hoàn thiện dự án đến kiểm tra, nghiệm thu theo quy	Có cam kết đầy đủ các nội dung	Đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
	định hiện hành; đồng thời lập biên bản kiểm tra, nghiệm thu theo đúng biểu mẫu quy định tại Nghị định hiện hành về PCCC (hiện hành là Nghị định 105/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có)	Không có cam kết các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
	Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
2	Tiến độ thi công		
2.1	Thời gian thực hiện gói thầu là: 75 ngày (kể cả thời gian thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu, không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định) tính từ ngày phát lệnh khởi công	Đề xuất tiến độ thi công (kể cả thời gian thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu, không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định) đảm bảo thời gian thi công không vượt quá 75 ngày .	Đạt
		Đề xuất tiến độ thi công (kể cả thời gian thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu, không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định) đảm bảo thời gian thi công vượt quá 75 ngày.	Không đạt
2.2	Biểu tiến độ thi công tổng thể	Có biểu tiến độ thi công tổng thể hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp tổ chức thi công, đề xuất kỹ thuật, phù hợp điều kiện thi công thực tế, phù hợp với biện pháp thi công, phù hợp khối lượng công việc theo thiết kế	Đạt
		Không có biểu tiến độ thi công tổng thể hoặc có biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không phù hợp điều kiện thi công thực tế hoặc không phù hợp khối lượng công việc theo thiết kế.	Không đạt
2.3	Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa huy động vật tư và tiến độ thi công.	Đề xuất biểu đồ thể hiện đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp thi công cho cả 3 nội dung a), b) và c).	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ biểu đồ 3 nội dung a), b) và c) hoặc đề xuất biểu đồ không phù hợp với biện pháp thi công	Không đạt
2.4	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, có biện	Có đầy đủ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công	Đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
	pháp khắc phục và đảm bảo tiến độ trong thời gian mưa, bão hoặc trong tình huống bất lợi khác đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục	và hiện trạng công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu	
		Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không đầy đủ, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu	Không đạt
Kết luận		Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
3	Cách thức quản lý dự án		
3.1	Tổ chức quản lý dự án	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, thể hiện hợp lý cơ cấu quản lý dự án nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra của dự án	Đạt
		Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án, không có thuyết minh sơ đồ, hoặc có nhưng không phù hợp	Không đạt
3.2	Tổ chức quản lý hiện trường	Có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài hiện trường và thuyết minh sơ đồ, thể hiện đầy đủ, hợp lý các bộ phận, nhân sự mà nhà thầu dự kiến huy động đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu và phù hợp với biện pháp thi công mà nhà thầu đề xuất.	Đạt
		Không có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài hiện trường; không thuyết minh sơ đồ ghi rõ trách nhiệm các bộ phận, nhân sự hoặc có nhưng không phù hợp	Không đạt
3.3	Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng cho nguyên liệu đầu vào hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm chất lượng cho nguyên liệu đầu vào hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng cho nguyên liệu đầu vào nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
3.4	Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các hạng mục công trình	Có biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt
3.5	Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, thực tế thi công công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và thực tế thi công công trình hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt
3.6	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt
3.7	Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, điều kiện thi công thực tế của công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
		Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, thực tế thi công công trình hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt
Kết luận		Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
4	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
4.1	Thời gian bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành có công trình \geq 36 tháng.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất thời gian bảo hành $<$ 36 tháng.	Không đạt
4.2	Phương án bảo hành, bảo trì công trình	Có thuyết minh về phương án bảo hành, bảo trì, sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành phù hợp theo quy định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Đạt
		Không có hoặc có thuyết minh về phương án bảo hành, bảo trì, sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành nhưng chưa chi tiết hợp lý hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm hiện hành và các văn bản pháp luật về xây dựng.	Không đạt
Kết luận		Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
5	Uy tín của nhà thầu		
5.1	Uy tín của Nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trong vòng 04 năm tính đến thời điểm đóng thầu (tính từ ngày, tháng, năm ban hành quyết định xử phạt).	Không có hợp đồng thi công xây dựng bị phạt vì trễ tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc bỏ dở do lỗi của Nhà thầu hoặc chất lượng công trình (Nhà thầu bị vi phạm có Quyết định được công bố trên trang website của TP.HCM hoặc các tỉnh, thành phố khác hoặc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).	Đạt
		Có \geq 01 hợp đồng thi công xây dựng bị phạt vì trễ tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc bỏ dở do lỗi của Nhà thầu hoặc chất lượng công trình (Nhà	Không đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
		thầu bị vi phạm có Quyết định được công bố trên trang website của TP.HCM hoặc các tỉnh, thành phố khác hoặc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).	
5.2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không đến đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) do Bên mời thầu làm Chủ đầu tư hoặc được giao nhiệm vụ điều hành dự án trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu (tính đủ ngày, tháng, năm).	Có tiến hành đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đạt
		Không đến đối chiếu tài liệu và để thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự)	Không đạt
5.3	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không đến đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) do Bên mời thầu làm Chủ đầu tư hoặc được giao nhiệm vụ điều hành dự án trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu (tính đủ ngày, tháng, năm).	Có tiến hành đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đạt
		Không đến đối chiếu tài liệu và để thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự)	Không đạt
	Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
6	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
6.1	Chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu	Có kê khai đầy đủ số lượng. Nêu rõ chủng loại, xuất xứ, nguồn gốc, quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này.	Đạt

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	Nhận xét của chuyên gia
	này (lập theo Mẫu tại Chương V)	Không có kê khai đầy đủ số lượng. Nêu rõ chủng loại, xuất xứ, nguồn gốc, quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này.	Không đạt
6.2	Vật tư sử dụng loại tốt, mới 100%	Có văn bản cam kết sử dụng VTTB tốt, mới 100%.	Đạt
		Không thuộc trường hợp trên	Không đạt
Kết luận		Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

* **Chú ý:** Nhà thầu phải nộp thuyết minh kỹ thuật của tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 cùng với E – HSDT. Nếu Nhà thầu không nộp kèm thì xem như E-HSDT không đạt và bị loại.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không cho phép.